

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (tên giao dịch: Orient Securities Corporation) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Quyết định điều chỉnh như sau:

- Quyết định số 72/UBCK-GPĐCCTCK ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND;
- Quyết định số 100/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.

Vào ngày 02 tháng 7 năm 2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD và chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Vốn điều lệ : 240.000.000.000 VND
- Trụ sở hoạt động
Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 - 08) 39144290
Fax : (84 - 08) 39142295
Mã số thuế : 0 3 0 4 8 1 4 3 3 9
- Hoạt động chính của Công ty: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 6 đến trang 20).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Ban điều hành, quản lý

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Băng Tâm

Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ông Lâm Đạo Thảo	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tề Trí Dũng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên
Bà Lê Thị Yên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Vũ Hồng Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tươi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo nguồn vốn chủ sở hữu;
- Lập Báo cáo nguồn vốn chủ sở hữu trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



VŨ HỒNG HẠNH - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Số: 0038/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phương Đông gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 18 tháng 02 năm 2011, từ trang 6 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phương Đông tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011



VÕ THẾ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0474/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		395,928,024,680	312,710,231,803
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33,368,980,108	86,887,749,790
Tiền	111	VI.1	33,368,980,108	86,887,749,790
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.3	43,978,036,667	29,100,634,794
1. Đầu tư ngắn hạn	121		54,438,553,379	36,579,954,508
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(10,460,516,712)	(7,479,319,714)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	VI.4	317,675,600,929	188,253,135,127
1. Phải thu khách hàng	131		5,890,135,121	2,781,347,617
2. Trả trước cho người bán	132		302,892,510	1,667,639,190
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		6,435,750,577	6,788,519,600
4. Các khoản phải thu khác	135		305,046,822,721	177,015,628,720
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		905,406,976	8,468,712,092
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.5	757,537,321	518,247,646
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		147,869,655	7,950,464,446
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92,987,204,262	77,759,146,818
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5,877,006,811	3,837,460,966
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	2,440,577,593	3,231,635,777
Nguyên giá	222		8,311,570,131	7,138,797,640
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,870,992,538)	(3,907,161,863)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.7	3,436,429,218	605,825,189
Nguyên giá	228		4,556,209,064	1,189,469,550
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,119,779,846)	(583,644,361)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.3	84,690,844,473	72,307,936,357
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		98,208,951,573	98,402,040,074
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		98,208,951,573	98,402,040,074
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(13,518,107,100)	(26,094,103,717)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,419,352,978	1,613,749,495
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.8	971,525,094	1,142,402,214
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.9	1,211,027,884	471,347,281
3. Tài sản dài hạn khác	268		236,800,000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		488,915,228,942	390,469,378,621

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		258,978,964,414	188,852,214,216
I. Nợ ngắn hạn	310		258,883,346,396	188,808,434,818
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	73,933,000,000	29,500,000,000
2. Người mua trả tiền trước	313		205,000,000	257,000,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.11	918,045,430	1,173,492,291
4. Phải trả người lao động	315		1,188,852,545	429,775,980
5. Chi phí phải trả	316		448,428,135	130,844,906
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		726,942,000	-
7. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		42,711,600	7,394,072,414
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7,234,118	22,234,118
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	VI.12	181,413,132,568	149,901,015,109
II. Nợ dài hạn	330		95,618,018	43,779,398
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		95,618,018	43,779,398
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		229,936,264,528	201,617,164,405
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.13	229,936,264,528	201,617,164,405
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		240,000,000,000	240,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50,000,000,000	50,000,000,000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,047,890,198	1,047,890,198
4. Lỗ lũy kế	420		(61,111,625,670)	(89,430,725,793)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		488,915,228,942	390,469,378,621

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Chứng khoán lưu ký			845,700,010,000	466,139,650,000
Trong đó:				
Chứng khoán giao dịch			627,386,150,000	412,496,640,000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký			16,023,770,000	9,074,540,000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước			609,708,660,000	403,422,100,000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài			1,653,720,000	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch			218,313,860,000	53,643,010,000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký			2,000,000,000	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước			216,313,860,000	53,643,010,000



 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011



 NGUYỄN TRẤT MINH PHƯƠNG

 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

(Có so sánh số liệu với năm 2009)

Đơn vị tính: VND				
	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VII.1	81,329,171,781	47,387,358,692
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		19,772,052,370	15,668,590,635
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		7,526,702,098	10,675,276,218
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		549,775,404	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		970,131,272	691,341,240
- Doanh thu khác	01.9		52,510,510,637	20,352,150,599
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		199,221,290	56,172,843
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		81,129,950,491	47,331,185,849
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VII.2	29,093,093,338	4,515,534,024
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		52,036,857,153	42,815,651,825
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.3	23,612,344,009	17,686,125,091
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28,424,513,144	25,129,526,734
8. Thu nhập khác	31		137,545,178	171,989,320
9. Chi phí khác	32		242,958,199	-
10. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		(105,413,021)	171,989,320
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28,319,100,123	25,301,516,054
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.4	-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28,319,100,123	25,301,516,054
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,180	1,054




NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		28,319,100,123	25,301,515,134
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2,499,966,160	2,061,697,555
- Hoàn nhập các khoản dự phòng	03		(9,594,799,619)	(39,516,506,695)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10,925,548,260)	(28,204,271,221)
- Chi phí lãi vay	06		20,953,334,309	2,332,290,937
<i>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		31,252,052,713	(38,025,274,290)
- Tăng các khoản phải thu	09		(122,359,551,614)	(47,497,256,770)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		57,037,244,213	(6,256,389,620)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(68,412,555)	318,093,975
- Tiền lãi vay đã trả	13		(20,470,743,809)	(1,887,585,848)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,088,324,659)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		20,798,564,277,132	8,648,419,346,879
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(20,829,538,836,988)	(8,590,158,183,339)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(86,672,295,567)	(35,087,249,013)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4,539,512,005)	(439,969,297)
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(123,752,524,273)	(111,417,546,543)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		106,087,013,903	139,220,823,079
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10,925,548,260	29,274,757,572
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11,279,474,115)	56,638,064,811
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		929,479,400,000	42,500,000,000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(885,046,400,000)	(13,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		44,433,000,000	29,500,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(53,518,769,682)	51,050,815,798
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		86,887,749,790	35,836,933,992
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	33,368,980,108	86,887,749,790

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY
CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
PHƯƠNG ĐÔNG

VŨ HỒNG HẠNH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN TRẤT MINH PHƯƠNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 4 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán”, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp” và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008”.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu tự doanh có thời hạn dưới 12 tháng được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan về mua chứng khoán như chi phí môi giới và các chi phí giao dịch mua chứng khoán tự doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản chênh lệch giữa giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ trong vòng 1 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm TSCĐ hữu hình</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	8
TSCĐ khác	3

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm (phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán,...) vào sử dụng. Phần mềm vi tính được khấu hao từ 3 đến 5 năm.

8. Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn là các khoản đầu tư cổ phiếu OTC có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là các khoản chênh lệch giữa giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ từ 2 đến 5 năm.

10. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Công ty ghi nhận doanh thu trên nguyên tắc sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận tại ngày phát sinh giao dịch, khi nghiệp vụ giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh;
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn là chênh lệch lãi từ các hoạt động tự doanh chứng khoán của Công ty, thu lợi từ cổ tức cổ phiếu và lãi trái phiếu;
- Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và xuất hóa đơn giá trị gia tăng;
- Doanh thu khác là lãi tiền gửi, thu phí từ dịch vụ khác,...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

14. Nguồn vốn, các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	11.057.367	8.337.133
Tiền mặt	11.057.367	8.337.133
(b) Tiền gửi ngân hàng	33.357.922.741	83.819.293.678
Tiền gửi của Công ty	10.319.166.166	52.135.844.683
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư	23.038.756.575	31.683.448.995
(c) Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	3.060.118.979
Cộng	33.368.980.108	86.887.749.790

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm		
	Khối lượng	Giá trị
Của công ty chứng khoán	3.125.590	74.274.311.000
Cổ phiếu	3.125.590	74.274.311.000
Của nhà đầu tư	415.718.344	11.084.469.705.801
Cổ phiếu	415.718.344	11.084.469.705.801
Cộng	418.843.934	11.158.744.016.801

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán thương mại	1.797.961	896.662	53.738.553.379	36.579.954.508	(10.460.516.712)	(7.479.319.714)	43.278.036.667	29.100.634.794
Trái phiếu	700	-	700.000.000	-	-	-	700.000.000	-
Chứng khoán đầu tư	3.690.892	3.318.281	98.208.951.573	98.402.040.074	(13.518.107.100)	(26.094.103.717)	84.690.844.473	72.307.936.357
Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.393.241	1.480.651	42.506.439.100	55.786.275.474	(13.518.107.100)	(26.094.103.717)	28.988.332.000	29.692.171.757
Chứng khoán dài hạn khác	2.297.651	1.837.630	55.702.512.473	42.615.764.600	-	-	55.702.512.473	42.615.764.600
Cộng	5.489.553	4.214.943	152.647.504.952	134.981.994.582	(23.978.623.812)	(33.573.423.431)	128.668.881.140	101.408.571.151

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		
		Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi
1	Phải thu khách hàng	2.781.347.617	-	-	42.199.078.648	39.090.291.144	5.890.135.121	-	-
2	Trả trước cho người bán	1.667.639.190	-	-	1.953.905.060	3.318.651.740	302.892.510	-	-
3	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6.788.519.600	-	-	38.566.431.369	38.919.200.392	6.435.750.577	-	-
	<i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	<i>6.788.519.600</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>38.566.431.369</i>	<i>38.919.200.392</i>	<i>6.435.750.577</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
4	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	930.779.200	930.779.200	-	-	-
5	Phải thu khác	177.015.628.720	-	-	6.628.341.610.075	6.500.310.416.074	305.046.822.721	-	-
	Cộng	188.253.135.127	-	-	6.711.991.804.352	6.582.569.338.550	317.675.600.929	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	59.974.471	271.660.344	174.462.640	157.172.175
Chi phí khác	458.273.175	2.725.558.003	2.583.466.032	600.365.146
Cộng	518.247.646	2.997.218.347	2.757.928.672	757.537.321

6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên Giá					
1. Số đầu năm	93.520.000	5.857.342.004	1.158.247.636	29.688.000	7.138.797.640
2. Tăng trong năm	-	1.172.772.491	-	-	1.172.772.491
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	93.520.000	7.030.114.495	1.158.247.636	29.688.000	8.311.570.131
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	65.032.778	3.512.130.120	305.258.965	24.740.000	3.907.161.863
2. Tăng trong năm	25.617.778	1.788.483.942	144.780.955	4.948.000	1.963.830.675
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	90.650.556	5.300.614.062	450.039.920	29.688.000	5.870.992.538
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	28.487.222	2.345.211.884	852.988.671	4.948.000	3.231.635.777
2. Số cuối năm	2.869.444	1.729.500.433	708.207.716	-	2.440.577.593

7. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng
I. Nguyên Giá		
1. Số đầu năm	1.189.469.550	1.189.469.550
2. Tăng trong năm	3.366.739.514	3.366.739.514
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối kỳ	4.556.209.064	4.556.209.064
II. Giá Trị Hao Mòn		
1. Số đầu năm	583.644.361	583.644.361
2. Tăng trong năm	536.135.485	536.135.485
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối kỳ	1.119.779.846	1.119.779.846
III. Giá Trị còn lại		
1. Số đầu năm	605.825.189	605.825.189
2. Số cuối năm	3.436.429.218	3.436.429.218

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	1.096.524.826	201.542.258	651.998.563	646.068.521
Chi phí khác	45.877.388	389.994.298	110.415.113	325.456.573
Cộng	1.142.402.214	591.536.556	762.413.676	971.525.094

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

9. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.029.351.099	341.064.038
Tiền lãi phân bổ trong năm	61.676.785	10.283.243
Cộng	1.211.027.884	471.347.281

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Lãi suất	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	13%/năm	-	655.000.000.000	(655.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	12%/năm	16.000.000.000	-	(11.100.000.000)	4.900.000.000
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần XNK Bình Thạnh	12%/năm	10.000.000.000	10.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Vay các đối tượng khác	10% - 16%/năm	3.500.000.000	264.479.400.000	(198.946.400.000)	69.033.000.000
Cộng		29.500.000.000	929.479.400.000	(885.046.400.000)	73.933.000.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
1	Thuế GTGT hàng nội địa	14.337.272	444.835.757	51.210.897	407.962.132
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.088.324.659	-	1.088.324.659	-
3	Các loại thuế khác	70.830.360	7.353.337.940	6.914.085.002	510.083.298
	- Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
	- Thuế thu nhập cá nhân	70.830.360	7.349.337.940	6.910.085.002	510.083.298
	Cộng	1.173.492.291	7.798.173.697	8.053.620.558	918.045.430

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>17.528.140</i>	<i>18.917.443</i>
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>70.485.500</i>	<i>366.583</i>
<i>Bảo hiểm y tế</i>	<i>17.077.800</i>	<i>10.000</i>
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>7.868.000</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>125.160.328.587</i>	<i>63.004.116.686</i>
Phải trả lãi vay vốn	844.923.833	362.333.333
Phải trả vốn cho các công ty	118.000.000.000	61.124.000.000
Các khoản phải trả khác	6.315.404.754	1.517.783.353
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư</i>	<i>56.139.844.541</i>	<i>86.877.604.397</i>
Cộng	181.413.132.568	149.901.015.109

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

13. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Cộng
Số đầu năm	240.000.000.000	50.000.000.000	1.047.890.198	(89.430.725.793)	201.617.164.405
Lãi trong năm	-	-	-	28.319.100.123	28.319.100.123
Số cuối năm	240.000.000.000	50.000.000.000	1.047.890.198	(61.111.625.670)	229.936.264.528

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	19.772.052.370	15.668.590.635
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	549.775.404	-
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	7.526.702.098	10.675.276.218
Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	970.131.272	691.341.240
Doanh thu khác	52.510.510.637	(*) 20.352.150.599
Cộng	81.329.171.781	47.387.358.692

(*) Công ty đã trình bày lại giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư với số tiền là 73.089.930.126 VND từ doanh thu khác sang chi phí hoạt động kinh doanh. Điều này đã làm giảm doanh thu và giá vốn trong năm 2009 với số tiền tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	9.611.540.161	4.658.765.033
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	7.414.098.344	36.816.891.339
Chi phí hoạt động tư vấn chứng khoán	157.309.067	88.823.400
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	551.611.076	92.132.010
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(9.594.799.619)	(*) (39.516.506.695)
Chi phí khác	20.953.334.309	2.375.428.937
Cộng	29.093.093.338	4.515.534.024

(*) Công ty đã trình bày lại giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư với số tiền là 73.089.930.126 VND từ doanh thu khác sang chi phí hoạt động kinh doanh. Điều này đã làm giảm doanh thu và giá vốn trong năm 2009 với số tiền tương ứng.

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	10.737.512.872	8.858.330.375
Chi phí vật liệu quản lý	327.127.276	182.717.875
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.153.705.795	622.423.538
Chi phí khấu hao	2.499.966.160	2.061.697.555
Thuế, phí và lệ phí	6.952.000	4.500.000
Chi phí dự phòng	51.838.620	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.858.768.004	5.123.754.460
Chi phí bằng tiền khác	1.976.473.282	832.701.288
Cộng	23.612.344.009	17.686.125.091

4. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.319.100.123	25.301.516.054
Cộng: Chi phí không tính thuế	719.363.704	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Trừ: Lỗ lũy kế năm các trước chuyển sang	(90.403.424.492)	(115.704.940.546)
Lỗ tính thuế	(61.364.960.665)	(90.403.424.492)
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% lợi nhuận thu được.

Năm 2010, Công ty kinh doanh có lãi nhưng Công ty đang thực hiện chuyển lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của khách hàng đầu tư	23.038.756.575	31.683.448.995

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	1.722.053.455	2.492.275.418
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.544.460.800	1.474.381.655
Sau 5 năm	2.561.837.000	-
Cộng	6.828.351.255	3.966.657.073

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện tiền thuê văn phòng làm việc cho Công ty và các phòng giao dịch. Các hợp đồng thuê được thỏa thuận cho khoảng thời gian từ 01 đến 10 năm, tiền thuê được thỏa thuận trong hợp đồng trong suốt thời gian thuê.

2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	80,98	80,09
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	19,02	19,91
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	52,97	48,37
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	47,03	51,63
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,89	2,07
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,53	1,66
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,13	0,46
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận kinh doanh trên doanh thu thuần	%	34,91	53,46
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	34,91	53,46
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	5,79	6,48
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5,79	6,48
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu</i>	%	12,32	12,55

3. Số liệu so sánh

Một số số liệu của báo cáo năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2011



YB HỒNG HẠNH
Tổng Giám đốc



NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG
Kế toán trưởng